

**UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 9**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 96 /QĐ-UBND

Phường 9, ngày 01 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ước thực hiện thu chi ngân sách
Quý 1 năm 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 9

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Xét đề nghị của Ban tài chính phường 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai ước thực hiện thu chi ngân sách quý 1 năm 2020 của Ủy ban nhân dân phường 9 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

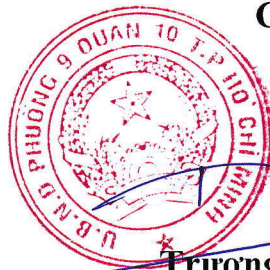
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường 9, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này. /.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBND Q10;
- Phòng TC-KH Q10;
- Đảng ủy P9;
- HĐND P9;
- Lưu: VT.




Trương Thị Minh Hạnh

PHƯỜNG 9

CÂN ĐỔI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2020

(Kèm theo QĐ số 96 / QĐ-UBND ngày 1 / 4 /2020 của UBND Phường 9)

Đơn vị : 1.000đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2020	SỐ SAẼNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	<u>TỔNG SỐ THU</u>	<u>11.331.293</u>	<u>3.231.197</u>	<u>28,52</u>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	357.300	184.944	51,76
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	974.100	207.647	21,32
3	Thu bổ sung	9.786.551	2.521.000	25,76
	Thu bổ sung cân đối	9.686.551	2.421.000	24,99
	Thu bổ sung có mục tiêu	100.000	100.000	100
4	Thu chuyển nguồn	213.342	317.606	148,87
II	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	<u>11.331.293</u>	<u>2.127.064</u>	<u>18,77</u>
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	11.291.351	2.127.064	18,84
3	Dự phòng (đối với dự toán)	39.942		
4	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			

Phường 9, ngày 1 tháng 4 năm 2020

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bình



Trương Thị Minh Hạnh

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2020
(Kèm theo QĐ số 96 / QĐ-UBND ngày 1 / 4 /2020 của UBND Phường 9)

Đơn vị : 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN THU QUÝ 1 NĂM 2020		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		11.331.293		3.231.197		28,52
I	Các khoản thu 100%		357.300		184.944		51,76
	Thu phí lệ phí		204.900		38.514		18,80
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		152.400		44.050		28,90
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				102.000		
	Thu khác				380		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		974.100		207.647		21,32
1	Các khoản thu phân chia		974.100		207.647		21,32
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		700.100		26.547		3,79

	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	274.000	181.100	66,09
	Lệ phí trước bạ nhà đất			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã			
IV	Thu chuyển nguồn năm trước	213.342	317.606	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	9.786.551	2.521.000	25,76
	Thu bổ sung cân đối	9.686.551	2.421.000	24,99
	Thu bổ sung có mục tiêu	100.000	100.000	

Người lập biểu

nh

Nguyễn Thị Bình

Phường 9, ngày 1 tháng 4 năm 2020

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



nh

Trương Thị Minh Hạnh

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 1 NĂM 2020
(Kèm theo QĐ số 96 / QĐ-UBND ngày 1 / 4 /2020 của UBND Phường 9)

Đơn vị : 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2020			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<u>TỔNG SỐ</u>	<u>11.331.293</u>		<u>11.331.293</u>	<u>2.127.064</u>		<u>2.127.064</u>	<u>18,77</u>		<u>18,77</u>
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	26.685		26.685	2.449		2.449	9,18		9,18
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	15.000		15.000	500		500	3,33		3,33
4	Chi văn hoá thông tin	55.000		55.000	12.300		12.300	22,36		22,36
5	Chi phát thanh, tuyên truyền									
6	Chi thể dục thể thao	35.000		35.000	0		0	0,00		0,00
7	Chi đầu tư									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	8.356.835		8.356.835	1.560.558		1.560.558	18,67		18,67
	Quản lý nhà nước	4.962.297		4.962.297	971.476		971.476	19,58		19,58
	Hội đồng nhân dân	660.393		660.393	162.517		162.517	24,61		24,61
	Chi hoạt động Đảng CSVN	1.318.998		1.318.998	223.806		223.806	16,97		16,97

	Chi hoạt động Đoàn TNCS HCM	183.327	183.327	33.594	33.594	18,32	18,32
	Chi hoạt động Hội LHPN	359.678	359.678	50.753	50.753	14,11	14,11
	Chi hoạt động Hội CCB	243.035	243.035	30.027	30.027	12,36	12,36
	Chi hoạt động UBMTTQ VN	446.288	446.288	64.600	64.600	14,47	14,47
	Chi hoạt động Hội CTĐ	128.998	128.998	14.970	14.970	11,60	11,60
	Chi hoạt động Hội NCT	14.971	14.971	2.110	2.110	14,09	14,09
	Chi hoạt động Hội khuyến học	38.850	38.850	6.705	6.705	17,26	17,26
10	Chi cho công tác xã hội	20.000	20.000	3.000	3.000	15,00	15,00
11	Chi khác	2.782.831	2.782.831	548.257	548.257	19,70	19,70
	Chi công tác an ninh quốc phòng	1.070.410	1.070.410	212.669	212.669	19,87	19,87
	Chi công tác dân số	8.000	8.000	0	0		0,00
	Chi công tác gia đình	8.000	8.000	0	0		0,00
	Chi điện dân lập	129.146	129.146	58.444	58.444	45,25	45,25
	Chi công tác dân quân tự vệ	1.517.611	1.517.611	277.144	277.144	18,26	18,26
	Sinh hoạt hè	49.664	49.664	0	0	0,00	0,00
12	Dự phòng ngân sách (đối với dự toán)	39.942	39.942				

Người lập biểu

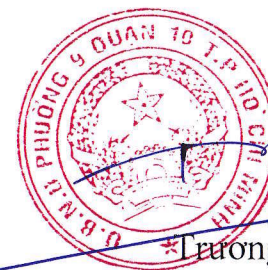
nh

Nguyễn Thị Bình

Phường 9, ngày 1 tháng 4 năm 2020

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trương Thị Minh Hạnh